

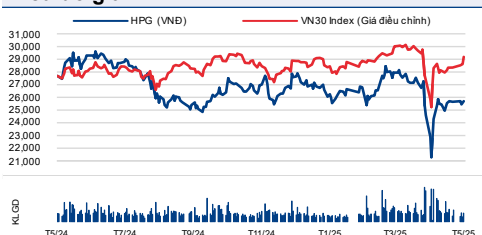
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ39,200
Tiềm năng tăng/giảm: 52.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (9/5/2025)	25,650
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	21,300-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,580
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	164,064
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,317
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,763
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	21.4%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	138,855	164,783	203,803
EBITDA đc (tỷ đồng)	21,588	29,603	37,430
LNTT (tỷ đồng)	13,693	18,652	23,502
LNT ĐC (tỷ đồng)	11,419	16,124	20,540
FCF (tỷ đồng)	(28,452)	(614)	3,996
EPS ĐC (đồng)	1,785	2,521	3,211
DPS (đồng)	500	1,000	1,000
BVPS (đồng)	17,878	19,899	22,110
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	37.1	26.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	59.9	41.2	27.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	18.0	18.4
Tỷ suất LNTTT (%)	9.86	11.3	11.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.66	10.3	10.6
Tỷ lệ LN trả CT (%)	26.6	37.7	29.6
Nợ thuần/VCSH (%)	67.2	57.9	50.7
ROAE (%)	11.1	14.0	16.1
ROACE (%)	11.0	13.3	15.9
EV/doanh thu (lần)	1.59	1.34	1.05
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.3	7.45	5.74
P/E ĐC (lần)	14.4	10.2	7.99
P/B (lần)	1.43	1.29	1.16
Lợi suất cổ tức (%)	1.95	3.90	3.90

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Sự cố ảnh hưởng 1 trong 8 lò cao; tác động ở mức thấp

- Theo thông tin, vào ngày 8/5 đã xảy ra sự cố tại 1 trong 8 lò cao của HPG, có thể khiến lò này phải tạm dừng trong vài tuần để sửa chữa. Tuy nhiên, HSC đánh giá tác động của sự cố này đến sản lượng thép thô năm 2025 là không đáng kể.
- Theo đánh giá của chúng tôi, các rủi ro có thể được giảm thiểu thông qua một số chiến lược chủ chốt, gồm: (1) tăng công suất vận hành tại các cơ sở sản xuất hiện có, (2) đẩy nhanh tiến độ đưa lò cao số 2 tại Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 (DQSC 2) vào hoạt động, và (3) chuyển trọng tâm bán hàng sang các sản phẩm thép thành phẩm thay vì phôi thép.
- HSC dự báo sản lượng sản xuất năm 2025 của HPG sẽ tiệm cận mục tiêu 11 triệu tấn, từ đó hạn chế tối đa các tác động tiêu cực từ sự cố này.

Sự kiện: Sự cố tại 1 lò cao thuộc DQSC 1

Theo ghi nhận từ một số kênh thông tin của HSC, vào ngày 8/5, đã xảy ra một sự cố tại một trong tám lò cao hiện hữu của HPG. Lò cao này thuộc DQSC 1, có công suất thiết kế 1,4 triệu tấn/năm. Các chuyên gia sẽ tiến hành kiểm tra và đưa ra phương án xử lý phù hợp trong vài ngày làm việc tới. Tuy nhiên, trong kịch bản xấu nhất, sự cố này có thể khiến lò cao phải tạm dừng hoạt động để sửa chữa trong vài tuần. Dù vậy, HSC cho rằng rủi ro từ sự cố này có thể được giảm thiểu thông qua một số chiến lược chủ chốt, được trình bày chi tiết trong những phần dưới đây.

4,3% sản lượng sản xuất năm 2025 có thể bị ảnh hưởng...

Công suất sản xuất của HPG đạt 11,7 triệu tấn/năm, đến từ các nhà máy tại Hải Dương (3 lò cao), DQSC 1 (4 lò cao), DQSC 2 (1 lò cao) và Hưng Yên (1 lò điện – EAF), như thể hiện trong Bảng 1. Hiện tại, phần lớn các nhà máy này đang hoạt động ở mức công suất tối đa, riêng lò cao đầu tiên tại DQSC 2, bắt đầu vận hành thương mại từ tháng 3 năm nay, đang vận hành ở mức 70–80% công suất thiết kế.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 11/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Công suất của các nhà máy, HPG

Nếu 1 lò cao tạm dừng hoạt động trong vài tuần, sản lượng năm 2025 sẽ giảm nhiều nhất là 5%

Công suất của các nhà máy	Số lò cao	Công suất (tấn/năm)	Cuối T4/2025
Hưng Yên	0	400,000	Hoạt động với công suất tối đa
Hải Dương	3	2,500,000	Hoạt động với công suất tối đa
DQSC 1	4	6,000,000	Hoạt động với công suất tối đa
DQSC 2 - gđ 1	1	2,800,000	70%+ hiệu suất
DQSC 2 - gđ 2	1	2,800,000	Dự kiến đi vào HĐ cuối năm 2025
Tổng công suất (cuối năm 2025) (1)	9	14,500,000	
Tổng công suất (T5/2025) (2)	8	11,700,000	Không bao gồm DQSC 2 – gđ 2
Công suất lò cao số 1 thuộc DQ1 (3)		1,400,000	
Khối lượng ảnh hưởng nếu tạm dừng hoạt động vài tuần (4)		Tối đa 500,000/tấn	
% công suất bị ảnh hưởng (theo năm) = (4)/(2)		Tối đa 4.3%	

Nguồn: HSC

Sự cố này ảnh hưởng đến sản lượng gang lỏng từ lò cao bị tác động. Do đó, tùy theo nhu cầu thị trường, Công ty sẽ chủ động điều chỉnh cơ cấu sản xuất giữa thép xây dựng và HRC nhằm phù hợp với điều kiện thị trường trong giai đoạn này, đồng thời giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.

Sự cố xảy ra tại một lò cao thuộc DQSC 1, với công suất thiết kế hàng năm là 1,4 triệu tấn. Giả định thời gian sửa chữa kéo dài trong vài tuần, sản lượng sản xuất bị ảnh hưởng trong năm nay có thể lên đến 500.000 tấn, tương đương khoảng 4,3% công suất năm 2025 của HPG trong kịch bản tiêu cực nhất.

...tuy nhiên, các giải pháp khả thi giúp giảm thiểu rủi ro

Do đó, việc triển khai các giải pháp điều chỉnh được kỳ vọng sẽ giảm đáng kể mức độ rủi ro.

Trong thời gian lò cao gặp sự cố được sửa chữa, HPG có thể chuyển hướng chiến lược bán hàng từ phôi thép sang sản phẩm thép xây dựng thành phẩm.

Để bù đắp phần sản lượng bị mất do việc tạm ngưng hoạt động của lò cao số 1 tại DQSC 1, HPG có thể đẩy công suất vận hành của lò cao số 1 tại DQSC 2 lên mức tối đa, thay vì duy trì ở mức 70–80% hiện tại – ước tính có thể tăng thêm khoảng 200.000-300.000 tấn trong vài tuần nếu vận hành ở mức 100% công suất.

Việc đưa lò cao số 2 tại DQSC 2 vào vận hành sớm hơn kỳ vọng cũng có thể giúp giảm thiểu tác động từ việc gián đoạn hoạt động của lò cao tại DQSC 1. HPG hiện kỳ vọng lò này sẽ đi vào hoạt động vào cuối năm 2025, tuy nhiên nếu có thể vận hành từ tháng 10/2025, sản lượng bổ sung trong giai đoạn chạy thử có thể lên đến 500.000 tấn.

Do đó, các giải pháp nêu trên có thể giúp tạo thêm từ 700.000 đến 800.000 tấn sản lượng, bù đắp hoàn toàn lượng thiếu hụt tối đa 500.000 tấn trong kịch bản tiêu cực nhất. Vì vậy, chúng tôi cho rằng tác động đến sản lượng năm 2025 của HPG hiện đang ở mức hạn chế, với giả định rằng Công ty quản lý hiệu quả hoạt động của 7 lò cao còn lại và tiến độ xây dựng lò cao số 2 tại DQSC 2 được đảm bảo.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Lưu ý, HPG đặt mục tiêu sản xuất khoảng 11 triệu tấn thép thô trong năm nay, tương đương tăng trưởng 36% và cao hơn đáng kể so với giả định 10 triệu tấn của HSC. Do đó, ngay cả sau sự cố vừa qua, sản lượng sản xuất ước tính cho năm 2025 vẫn phù hợp với mục tiêu 11 triệu tấn của HPG và cao hơn 10% so với dự báo của chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi cho rằng sự cố này không tạo ra rủi ro lợi nhuận thuần và doanh thu thuần thực hiện của Công ty thấp hơn dự báo hiện tại của chúng tôi cho năm 2025 là lợi nhuận thuần đạt 17 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 41,2%) và doanh thu thuần đạt 164,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 18,6%).

Chi phí sửa chữa – hiện chưa được xác định cụ thể – nhiều khả năng chỉ là mối lo ngại nhỏ ở thời điểm hiện tại. Theo đánh giá của chúng tôi, chi phí này sẽ ở mức hạn chế, như đã từng ghi nhận trong các trường hợp tương tự trước đây. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng kỳ vọng rằng các bên có liên quan, bao gồm nhà thầu và đơn vị bảo hiểm, sẽ chia sẻ một phần chi phí phát sinh này.

HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,3 lần, thấp hơn bình quân 5 năm ở mức 11,9 lần, phản ánh mức định giá hấp dẫn trong bối cảnh triển vọng lợi nhuận tích cực. Công ty có vị thế tốt để hưởng lợi từ đẩy mạnh đầu tư công và công suất vận hành mới. Mặc dù tâm lý thị trường có thể bị ảnh hưởng tạm thời bởi thông tin về sự cố, HSC cho rằng đây là cơ hội hợp lý để mua vào cổ phiếu. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi là 39.200đ, tiềm năng tăng giá 53%.

Bảng 2: Sản lượng sản xuất năm 2025, HPG

Mặc dù gặp sự cố, sản lượng sản xuất năm 2025 của HPG dự kiến vẫn đạt chỉ tiêu 11 triệu tấn

Tấn/năm	Thực tế	Dự báo của HSC			Ghi chú
Sản lượng theo nhà máy	4 tháng đầu năm 2025	T5=T9 (4 tháng) Lò cao số 1 thuộc DQ1 không hoạt động (kịch bản tiêu cực nhất)	T10-T12 (4 tháng) – Lò cao số 1 thuộc DQ1 quay trở lại hoạt động và Lò cao số 1 thuộc DQ2 bắt đầu đi vào hoạt động trong tháng 10.	Sản lượng đầu ra năm 2025	
Hưng Yên	133,333	133,333	133,333	400,000	
Hải Dương	833,333	833,333	833,333	2,500,000	
DQSC 1	2,000,000	1,533,333	2,000,000	5,533,333	Chúng tôi giả định sự cố này khiến lò cao gián đoạn hoạt động trong vài tuần. Trong thời gian này, chiến lược bán hàng của HPG sẽ chuyển từ phôi thép sang thép xây dựng
DQSC 2 - gđ 1	700,000	933,333	933,333	2,566,667	Để bù đắp cho sản lượng bị ảnh hưởng của sự cố của 1 Lò cao thuộc DQ1, thì Lò cao số 1 của DQ2 sẽ được vận hành công suất tối đa ngay từ bây giờ
DQSC 2 - gđ 2	0	0	500,000	500,000	Việc đưa Lò cao số 2 của DQ2 đi vào vận hành thương mại sớm hơn dự kiến có thể sẽ giảm thiểu tác động của sự cố Lò cao 1 của DQ1
Sản lượng sản xuất năm 2025	3,666,667	3,433,333	4,400,000	11,500,000	Cho thấy, với việc quản lý hiệu quả, HPG hoàn toàn có thể đáp ứng kế hoạch sản xuất đề ra cho cả năm 2025

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,953	138,855	164,783	203,803	236,373
Lợi nhuận gộp	12,938	18,498	26,014	32,886	39,776
Chi phí BH&QL	(3,269)	(3,883)	(4,960)	(6,134)	(7,115)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,669	14,615	21,054	26,752	32,661
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,435)	(3,291)	(449)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	142	426	33.0	40.8	47.3
LN TT	7,793	13,693	18,652	23,502	32,260
Chi phí thuế TNDN	(992)	(1,673)	(1,679)	(1,880)	(2,258)
Lợi ích cổ đông thiểu số	34.7	(0.42)	(0.60)	(0.76)	(1.05)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,835	12,020	16,972	21,621	30,000
Lợi nhuận thuần ĐC	6,493	11,419	16,124	20,540	28,500
EBITDA ĐC	16,431	21,588	29,603	37,430	43,664
EPS (đồng)	1,175	1,879	2,653	3,380	4,690
EPS ĐC (đồng)	1,117	1,785	2,521	3,211	4,456
DPS (đồng)	0	500	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	6,396	6,396	6,396	6,396
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	6,396	6,396	6,396
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	12,252	6,888	20,093	9,642	18,946
Đầu tư ngắn hạn	22,177	18,975	16,478	20,380	28,365
Phải thu khách hàng	10,702	7,622	14,830	20,380	26,001
Hàng tồn kho	34,504	46,521	48,611	61,141	70,912
Các tài sản ngắn hạn khác	3,081	7,073	8,239	10,190	14,182
Tổng tài sản ngắn hạn	82,716	87,079	108,252	121,734	158,406
TSCĐ hữu hình	97,886	130,994	133,707	125,349	115,574
TSCĐ vô hình	211	184	203	223	245
Bất động sản đầu tư	594	560	530	496	460
Đầu tư dài hạn	40.0	137	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6,335	5,537	6,293	7,763	8,991
Tổng tài sản dài hạn	105,066	137,411	140,731	133,832	125,270
Tổng cộng tài sản	187,783	224,490	248,984	255,566	283,676
Nợ ngắn hạn	54,982	55,883	57,674	61,141	66,184
Phải trả người bán	12,387	14,110	16,478	20,380	23,637
Nợ ngắn hạn khác	2,457	3,029	3,114	3,475	3,794
Tổng nợ ngắn hạn	71,513	75,503	80,211	88,639	97,841
Nợ dài hạn	10,399	27,080	35,179	19,189	15,991
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	30.0	29.3	0	0	0
Nợ dài hạn khác	2,948	7,162	6,019	6,021	6,022
Tổng nợ dài hạn	13,378	34,271	41,199	25,209	22,013
Tổng nợ phải trả	84,946	109,842	121,410	113,848	119,853
Vốn chủ sở hữu	102,771	114,355	127,280	141,424	163,528
Lợi ích cổ đông thiểu số	65.8	293	293	294	295
Tổng vốn chủ sở hữu	102,836	114,647	127,574	141,718	163,823
Tổng nợ phải trả và VCSH	187,783	224,490	248,984	255,566	283,676
BVPS (đ)	17,674	17,878	19,899	22,110	25,566
Nợ thuần*/(tiền mặt)	53,129	76,075	72,760	70,687	63,229

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,669	14,615	21,054	26,752	32,661
Khấu hao	(6,762)	(6,973)	(8,549)	(10,679)	(11,003)
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,435)	(3,291)	(449)
Thuế TNDN đã nộp	(560)	(937)	(1,679)	(1,880)	(2,258)
Thay đổi vốn lưu động	(6,218)	(13,845)	(16,910)	(28,883)	(25,683)
Khác	(4,595)	(2,067)	(3,422)	(4,289)	(3,971)
LCT thuần từ HKKD	8,643	7,027	10,636	6,305	15,376
Đầu tư TS dài hạn	(17,374)	(35,479)	(11,250)	(2,309)	(1,213)
Góp vốn & đầu tư	(37,581)	(27,817)	2,468	(3,941)	(8,017)
Thanh lý	42,960	33,152	519	675	597
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(11,995)	(30,143)	(8,263)	(5,575)	(8,633)
Cổ tức trả cho CSH	(8.01)	(4.97)	(3,198)	(6,396)	(6,396)
Thu từ phát hành CP	(1.64)	233	0	0	0
Tăng/giảm nợ	7,285	17,524	14,031	(4,785)	8,957
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,276	17,752	10,833	(11,181)	2,561
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,325	12,252	6,888	20,093	9,642
LCT thuần trong kỳ	3,924	(5,365)	13,206	(10,451)	9,304
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.86	0.49	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	12,252	6,888	20,093	9,642	18,946
Dòng tiền tự do	(8,731)	(28,452)	(614)	3,996	14,162

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	13.3	15.8	16.1	16.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	18.0	18.4	18.5
Tỷ suất LNT (%)	5.75	8.66	10.3	10.6	12.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.7	12.2	9.00	8.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.9)	16.7	18.7	23.7	16.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(17.4)	31.4	37.1	26.4	16.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(19.4)	75.9	41.2	27.4	38.8
Tăng trưởng EPS (%)	(19.4)	59.9	41.2	27.4	38.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	59.9	41.2	27.4	38.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	26.6	37.7	29.6	21.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.88	11.1	14.0	16.1	19.7
ROACE (%)	8.62	11.0	13.3	15.9	18.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.66	0.67	0.70	0.81	0.88
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.89	0.48	0.51	0.24	0.47
Số ngày tồn kho	119	141	128	131	132
Số ngày phải thu	36.8	23.1	39.0	43.5	48.3
Số ngày phải trả	42.6	42.8	43.3	43.5	43.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.4	67.2	57.9	50.7	39.4
Nợ/tài sản (%)	35.2	37.3	37.6	31.9	29.4
EBIT/lãi vay (lần)	4.79	10.8	8.65	8.13	72.8
Nợ/EBITDA (lần)	4.02	3.88	3.17	2.18	1.91
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.16	1.15	1.35	1.37	1.62
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.51	1.59	1.34	1.05	0.84
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.0	10.3	7.45	5.74	4.56
P/E (lần)	21.8	13.6	9.67	7.59	5.47
P/E ĐC (lần)	23.0	14.4	10.2	7.99	5.76
P/B (lần)	1.45	1.43	1.29	1.16	1.00
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.95	3.90	3.90	3.90

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn